

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
TRUNG TÂM Y TẾ TP. SA ĐÉC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 07/QĐ-TTYT

Sa Đéc, ngày 08 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của Trung tâm Y tế Thành phố Sa Đéc

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ SA ĐÉC

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-SYT ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Lãnh đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Y tế Thành phố Sa Đéc (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo Phòng Hành chính – Tổng hợp và các bộ phận có liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HC-TH.


Nguyễn Văn Hai

Đơn vị: Trung tâm Y tế Thành phố Sa Đéc

Chương: 423

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 07/QĐ-TTYP ngày 08 tháng 01 năm 2025 của TTYP TP Sa Đéc)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	27.373.845.000
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.753.000.000
	Kinh phí thực hiện tự chủ TTYP (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	12.753.000.000
	Trong đó: 10% tiết kiệm chi thường xuyên	55.000.000
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.620.845.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ TTYP NVYTKA (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	604.180.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ TTYP điều trị nghiện chất (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	75.000.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ TTYP theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	741.000.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ TTYP Đại hội Đảng(QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	80.665.000

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
	Kinh phí không thực hiện tự chủ lương và hoạt động TYT XP (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	12.420.000.000
	Kinh phí không thực hiện tự chủ theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP TYT XP (QĐ 1831/QĐ-SYT ngày 26/12/2024)	700.000.000
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi Chương trình mục tiêu	